

Phụ lục II
CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025				Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025				Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương			Ghi chú		
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB						
								Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác				Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	20	21	22	
	TỔNG CỘNG						35.384.507	25.417.685	7.281.978	2.684.844	15.207.567	13.421.466	1.786.101	-	15.257.567	13.421.466	1.836.101	-	11.430.976	-	-		
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030						35.384.507	25.417.685	7.281.978	2.684.844	15.207.567	13.421.466	1.786.101	-	15.257.567	13.421.466	1.836.101	-	11.430.976	-	-		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG						15.271.600	14.120.074	1.151.526	-	11.671.053	10.670.466	1.000.587	-	11.671.053	10.670.466	1.000.587	-	3.388.316	-	-		
I.1	DỰ ÁN ĐƯỜNG CAO TỐC						13.526.192	12.526.192	1.000.000	-	10.777.131	9.777.131	1.000.000	-	10.777.131	9.777.131	1.000.000	-	2.639.118	-	-		
1	Dự án thành phần 1 thuộc dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Tỉnh An Giang (qua nhiều địa phương)	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7971144	2022-2027	1342/QĐ-UBND 21/6/2021; 757/QĐ-UBND 18/4/2022; 403/QĐ-UBND 19/3/2024	13.526.192	12.526.192	1.000.000		10.777.131	9.777.131	1.000.000		10.777.131	9.777.131	1.000.000	-	2.639.118				
I.2	Dự án giao thông khác						1.745.408	1.593.882	151.526	-	893.922	893.335	587	-	893.922	893.335	587	-	749.198	-	-		
1	Tuyến đường vòng Công viên Văn hóa Núi Sam	Tỉnh An Giang (qua nhiều địa phương)	gồm: Phường Vĩnh Tế và Châu Đốc	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	8017711	2025-2026	04/NQ-HĐND 14/4/2022; 34/NQ-HĐND 12/12/2022	428.325	428.325			214.352	214.352			214.352	214.352			263.000			
2	Tuyến dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (Giai đoạn 1)	Phường Tân Châu		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7860478	2023-2026	2610/QĐ-UBND 26/10/2022; 689/QĐ-UBND 06/5/2025	91.209	83.376	7.833		61.683	61.683			61.683	61.683			21.317			
3	Dự ánTuyến tránh Đường tỉnh 951 (Đoạn từ km8+550 đến km15+950)	Xã Phú Tân		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7854539	2023-2026	1974/QĐ-UBND 05/12/2023	362.181	362.181			197.300	197.300			197.300	197.300			164.881			
4	Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	Tỉnh An Giang (qua nhiều địa phương)	gồm: phường Bình Đức, xã An Châu và xã Bình Hòa	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	7913699	2022-2026	731/QĐ-UBND 26/5/2023 và số 947/QĐ-UBND ngày 06/6/2025	863.693	720.000	143.693		420.587	420.000	587		420.587	420.000	587		300.000			
III	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHẨN CẤP PHỤC VỤ HỘI NGHỊ APEC 2027						20.112.907	11.297.611	6.130.452	2.684.844	3.536.514	2.751.000	785.514	-	3.586.514	2.751.000	835.514	-	8.042.660	-	-		
1	Dự án đầu tư Hồ nước Cửa Cạn	Đặc khu Phú Quốc		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8159840	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1797/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh	1.026.000	718.200	307.800		332.000	215.460	116.540		332.000	215.460	116.540		461.000			
2	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	Đặc khu Phú Quốc		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	8159841	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1815/QĐ-UBND ngày 19/6/2025; số 1834/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của UBND tỉnh	2.950.000	1.520.699	1.429.301		237.000	237.000			237.000	237.000			1.061.000			
3	Dự án xây dựng kè và san lấp mặt bằng xây dựng Trung tâm tổ chức hội nghị APEC và các công trình chức năng	Đặc khu Phú Quốc		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8155457	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1782/QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND tỉnh	1.400.000	980.000	420.000		670.085	294.000	376.085		670.085	294.000	376.085		686.000			
4	Dự án Đường tỉnh ĐT.975 (đoạn từ ĐT.973 – Cảng hàng không Phú Quốc - ĐT.975 – ĐT.973	Đặc khu Phú Quốc		Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160209	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1769/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh	2.500.000	1.750.000	750.000		698.000	525.000	173.000		698.000	525.000	173.000		1.200.000			
5	Dự án tuyến tàu điện đô thị đoạn 1	Đặc khu Phú Quốc		Sở Xây dựng tỉnh An Giang		2025-2027	Số 40/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 của HĐND tỉnh	8.949.479	4.385.244	1.879.391	2.684.844	945.000	945.000			945.000	945.000			3.232.160			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025				Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu dự án đến hết kế hoạch năm 2025				Kế hoạch đầu tư năm 2026 nguồn vốn ngân sách trung ương			Ghi chú
					Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
								Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			Vốn khác	Ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương	Vốn khác		Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Vốn khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	19	20	21	22
6	Dự án Đại lộ APEC	Đặc khu Phú Quốc	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông tỉnh An Giang	8158270	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1773/QĐ-UBND ngày 17/6/2025; 995/QĐ-UBND ngày 10/9/2025 của UBND tỉnh	1.817.428	914.468	902.960		242.040	242.040			242.040	242.040			666.000			
7	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực Dương Đông	Đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160185	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1770/QĐ-UBND ngày 17/6/2025; số 2051/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh	550.000	385.000	165.000		182.084	115.500	66.584		232.084	115.500	116.584		269.500			
8	Dự án xây dựng công trình ngầm hoá hạ tầng kỹ thuật khu vực An Thới	Đặc khu Phú Quốc	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	8160184	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1854/QĐ-UBND ngày 20/6/2025; số 2052/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh	420.000	294.000	126.000		125.305	72.000	53.305		125.305	72.000	53.305		222.000			
9	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số xây dựng Trung tâm giám sát điều hành thông minh quản lý toàn diện thành phố Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang	8159654	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1723/QĐ-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh	500.000	350.000	150.000		105.000	105.000			105.000	105.000			245.000			